TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2018
V/v ly hôn giữa bà N và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên
2. Bà Phạm Thị Thu Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 13/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/2/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị N** sinh năm 1965

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức T** sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Ông T và bà N đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và bản tự khai ngày 28/02/2018 của nguyên đơn là bà Đoàn Thị N thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1984, trước ngày tổ chức đám cưới, ông T có chở bà lên UBND xã Vũ Lễ để làm thủ tục đăng ký kết hôn, nhưng sau đó ông T nói lại với bà là Giấy đăng ký chưa lấy, bà chưa bao giờ nhìn thấy Giấy đăng ký kết hôn, kể cả mọi giấy tờ trong gia đình ông T quản lý hết. Quá trình chung sống, giữa bà và ông T sảy ra mâu thuẫn kéo dài đã mấy chục năm nay, ông T đã thường xuyên chửi bới xúc phạm bà; không thể chịu đựng được, năm 2013 bà đã đi thuê nhà ở Thành phố Thái Bình sinh sống, sau đó bà đã trở về đoàn tụ nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian ngắn là vợ chồng lại mâu thuẫn, bà lại phải ra đi. Bà đã phải đi làm ăn xa để có kinh tế lo toan cho con cái, xây dựng gia đình cho hai con như ông T nhưng vẫn bị ông T chửi mắng, cho là bà không quan tâm gia đình, ông còn nói là bà có quan hệ với người khác. Vừa qua, mẹ đẻ ông T và mẹ đẻ của bà ở quê bị ốm, bà muốn về trông nom chăm sóc các cụ nhưng ông T đã đe dọa nên bà không dám về mà phải thuê nhà ở Thành phố Thái Bình để ở và thường xuyên thay đổi chỗ

ở, không cho ông T biết. Nay bà không còn có thể chịu đựng được nữa, bà muốn sống thanh thản nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Nguyễn Đức T sinh ngày 07/3/1985 và Nguyễn Đức T1 sinh ngày 10/02/1989. Cả hai con đề đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Nguyễn Đức T và tại phiên tòa, ông T thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1984, ông và bà N đã tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn; sau khi chung sống với nhau ông bà cũng không đăng ký kết hôn lại. Do bà N đã bỏ đi 18 năm nay, một mình ông trông nom con cái, nhiều lần ông muốn bà trở về trông nom con cái nhưng bà N vẫn cứ cố tình đi, bà chỉ chăm lo kinh tế cho các con chứ không quan tâm gì đến ông nên ông rất bức xúc, ông có uống rượu chửi mắng bà N nhưng ông cho rằng chuyện chồng chửi mắng vợ là chuyện bình thường. Việc ông dọa chặt chân bà cũng chỉ là để muốn bà ở nhà trông nom con cháu vì giờ đây ông bà đã có 3 đứa cháu nhỏ, cần bà trông nom để cho các con đi làm công ty. Còn nếu bà N không đoàn tụ thì ông không ký giấy tờ ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N có hai con chung đúng như bà N khai, cả hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông cũng không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình xử cho bà N được ly hôn điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các khoản 1và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nhưng không đăng kí kết hôn. Theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình, trường hợp này vẫn được công nhận là vợ chồng, bà N có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay, bà N không dám trở

về ngôi nhà của mình; nguyên nhân chủ yếu là do ông T có hành vi bạo lực gia đình. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có hai con chung là Nguyễn Đức T sinh ngày 07/3/1985 và Nguyễn Đức T1 sinh ngày 10/02/1989. Cả hai con đề đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết việc nuôi con khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Đức T.

2. Về án phí:

Bà N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000941 ngày 25/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N và ông T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã Vũ Lễ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh